TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Phạm Thanh Tuyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông CaoVũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Văn P,** sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Th, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và anh Ngô Văn P là hàng xóm, có quen biết nhau. Ngày 15/9/2023 âm lịch bà có cho anh P vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất 3.000.000đ/tháng, khi vay có viết biên nhận, anh P đóng lãi được 4 tháng thì không đóng nữa. Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh P chỉ hứa hẹn mà không trả, địa phương có giải quyết nhưng anh P cũng không có thiện chí trả

nợ. Bà khởi kiện yêu cầu anh P trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), chỉ yêu cầu một mình anh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn anh Ngô Văn P trình bày: Anh thừa nhận có vay và còn nợ bà T số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) như bà T trình bày. Do làm ăn thất bại nên anh không có trả lại tiền cho bà T như thỏa thuận. Hiện nay anh không có khả năng trả nợ, khi nào bán được đất anh sẽ trả nợ cho bà T. Anh nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà T, không yêu cầu ai khác tham gia tố tụng. Anh nợ tiền thời gian đã lâu, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên anh cũng không có yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà T yêu cầu anh P có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), chỉ yêu cầu một mình anh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu anh P trả một lần, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn anh P nhận trách nhiệm một mình trả nợ gốc cho bà T nhưng cho rằng hiện nay không có khả năng trả, mỗi tháng chỉ trả được từ vài trăm nghìn đồng, hẹn khi nào bán được đất sẽ trả.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn P trả lại số tiền còn nợ vay mà hai bên thỏa thuận. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Bà T khởi kiện cho rằng anh P có vay và làm biên nhận nợ ngày 15/9/2023 âm lịch với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay anh P chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, biên nhận nợ ngày 15/9/2023, biên bản hòa giải tại ấp Th ngày 04/9/2024, biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 03/01/2025 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hiện nay anh P còn nợ bà T số tiền vay gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) (bút lục 02, 03, 36-38). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu anh P trả số tiền vay gốc là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận vay có lãi suất, anh P nợ tiền thời gian dài, nhưng bà T không yêu cầu trả lãi suất là có lợi cho anh P. Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy, bà T chỉ yêu cầu một mình anh P thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai khác tham gia tố tụng; còn anh P cũng nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà T. Do đó, buộc anh P có nghĩa vụ trả tiền còn nợ cho bà T là phù hợp.

[5] Đối với ý kiến của anh P cho rằng hiện nay không có khả năng trả do hoàn cảnh khó khăn, mỗi tháng chỉ trả được từ vài trăm nghìn đồng, hẹn khi nào bán được đất sẽ trả. Tuy nhiên bà T không đồng ý mà yêu cầu anh P trả một lần. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh P. Trường hợp anh P thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, buộc anh P có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 50.000.000đồng x 5% = 2.500.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc anh Ngô Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà T không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp là 1.250.000đồng theo lai thu số 0005201 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh